

Số: 1510 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 219/TTr-SNN ngày 18/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (có Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; phê duyệt quy

trình nội bộ đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Quyết định được ký ban hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, KTN, HCC, TTTT;
- Lưu: VT, NC-KSTT.Linh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG, QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/tên thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Cơ quan giải quyết	Các đơn vị liên quan		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
1		Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	MCLT	20 ngày		Sở Nông nghiệp và PTNT: 15 ngày	UBND Tỉnh: 05 ngày	Không	x	x	
2		Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên.	MC	12 ngày		Sở Tài nguyên và Môi trường: 7 ngày	Sở Tài chính: 5 ngày	Không	x	x	

Ghi chú: - Thời hạn giải quyết được tính bằng ngày thường;

- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang;

- MC: Giải quyết theo cơ chế một cửa; MCLT: Giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông.

Địa chỉ: Trụ sở Liên cơ quan, Quảng trường 3/2, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang,

Website: <http://hcc.bacgiang.gov.vn>; Số điện thoại lễ tân/tổng đài: (0204) 3531.111 – (0204) 3831.818.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Công bố theo Quyết định số 3085/QĐ-BNN-CN ngày 13/9/2024 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Gửi hồ sơ

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có nhu cầu xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Bộ phận một cửa của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang tại Trung tâm Dịch vụ hành chính công.

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, kiểm tra và trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ.

c) Bước 3: Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt.

d) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc văn bản không chấp thuận theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt sau khi bóc tách.

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất).

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Văn bản không chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN
SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ
NƯỚC GIAO ĐẤT CHO
THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt

Kính gửi:

1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: ...

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu có) số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện (*thị xã/ thành phố*) thẩm định hồ sơ Phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa để xây dựng công trình ...

(Phương án sử dụng tầng đất mặt và Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt được bóc tách gửi kèm theo)

3. Nhận kết quả qua hình thức: Trực tiếp Bưu chính Điện tử

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất... (*ghi rõ tên*) cam kết thực hiện đúng Phương án sử dụng tầng đất mặt và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC
GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục VIII
MẪU PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm...

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

1. Tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu có) số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

2. Mục đích của việc chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa:

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa để thực hiện công trình/dự án

...

3. Diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi: ... ha.

4. Khối lượng đất mặt phải bóc tách: ... m³

{Diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách (m²) x độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách (m)}

5. Phương án sử dụng đất mặt:

a) Sử dụng trong khuôn viên dự án: m³ (ghi rõ vị trí, địa điểm, diện tích sử dụng đất mặt).

b) Sử dụng ngoài khuôn viên dự án:m³ (ghi rõ vị trí, địa điểm, diện tích sử dụng đất mặt).

6. Mục đích sử dụng tầng đất mặt: ...

(Tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa chỉ được sử dụng vào mục đích nông nghiệp, gồm: *tôn cao nền ruộng trồng thấp; tăng độ dày tầng canh tác; nâng cao chất lượng đất trồng lúa, cây hàng năm, cây lâu năm; trồng cây xanh; trồng hoa cây cảnh, cây dược liệu...*)

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất... (ghi rõ tên) cam kết thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục IX
MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v...

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của tổ chức/cá nhân ...;

Căn cứ vào kết quả thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của công trình/dự án...;

Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt của ... (ghi rõ tên). Trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách tầng đất mặt: ...ha.

2. Đề nghị ... (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) thực hiện đúng nội dung phương án sử dụng tầng đất mặt và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố.

3. Các đơn vị ... (ghi rõ tên đơn vị) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... theo dõi, kiểm tra, giám sát tổ chức/cá nhân thực hiện đúng nội dung Phương án sử dụng tầng đất mặt đã được chấp thuận.

Yêu cầu (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) ... thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản quy định khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ...**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục X
MẪU VĂN BẢN KHÔNG CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của tổ chức/cá nhân ...;

Căn cứ kết quả thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của công trình/dự án...;

Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... có ý kiến như sau:

Không chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để xây dựng công trình của *(ghi rõ tên)*

Địa chỉ

Lý do không chấp thuận:

.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...

(Ký, họ tên và đóng dấu)

2. Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Gửi hồ sơ

Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp gửi hồ sơ đến cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền.

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh xem xét, kiểm tra và trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ;

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh thẩm định và ban hành văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp.

d) Bước 4: Cơ quan tài chính xác định số tiền phải nộp

Trong thời hạn 05 ngày, cơ quan tài chính cấp tỉnh căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa của cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp, bảng giá loại đất trồng lúa tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, cơ quan tài chính cấp tỉnh xác định số tiền phải nộp theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cơ quan tài nguyên và môi trường và người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

đ) Bước 5: Người được giao đất, cho thuê đất thực hiện nộp tiền

Trong thời hạn 30 ngày, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của cơ quan tài chính.

Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan tài chính; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng

đất trồng lúa thì phải nộp thêm tiền chậm nộp. Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau:

- Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa chậm nộp;

- Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước;

- Người nộp tiền tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Người nộp tiền phải nộp tiền chậm nộp được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng như bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyên mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ.

- Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất).

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

Cơ quan phối hợp thực hiện: Cơ quan tài chính cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Văn bản xác định số tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục XI
MẪU BẢN KÊ KHAI DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm...

BẢN KÊ KHAI
Diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang
đất phi nông nghiệp

Kính gửi:

1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất kê khai: ...
2. Địa chỉ: ...
3. Tổng diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp: ... ha
4. Địa điểm thu hồi đất:

Vị trí/Địa điểm đất	Diện tích (ha, m ²)	Ghi chú
Vị trí 1: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
Vị trí 2: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố)		
Vị trí 3: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
.....		
.....		
Tổng diện tích		

Đề nghị ... (cơ quan tài nguyên môi trường cấp tỉnh/huyện) xác định diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang mục đích phi nông nghiệp để... (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) làm căn cứ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC
GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục XII
MẪU VĂN BẢN XÁC NHẬN DIỆN TÍCH ĐẤT
CHUYÊN TRỒNG LÚA PHẢI NỘP TIỀN
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/THỊ
XÃ
Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi: Cơ quan tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ vào Bản kê khai đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp của ... (ghi rõ tên cơ quan, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất)

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh/huyện) ... xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình/dự án ... (ghi rõ tên công trình) là...ha, thuộc địa điểm ... (ghi rõ địa điểm diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển đổi).

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh/huyện) gửi cơ quan Tài chính (cấp tỉnh/huyện) làm căn cứ xác định số tiền phải nộp của cơ quan, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT.

CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH/TP/QUẬN/ HUYỆN/THỊ XÃ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIII
MẪU VĂN BẢN XÁC ĐỊNH SỐ TIỀN ĐỀ NHÀ NƯỚC BỔ SUNG
DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA BỊ MẤT HOẶC
TĂNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

CƠ QUAN TÀI CHÍNH
TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/TX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

V/v thông báo số tiền phải nộp
 để nhà nước bổ sung diện tích
 đất chuyên trồng lúa bị mất
 hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất
 trồng lúa

..., ngày..... tháng ... năm

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ
Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân
tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Căn cứ văn bản số ... (cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh/ huyện);

Cơ quan Tài chính cấp tỉnh/huyện thông báo số tiền phải nộp, như sau:

1. Tên cơ quan/người được nhà nước giao đất, cho thuê đất phải nộp tiền: ...
2. Số tiền phải nộp: ... đồng

(Bằng chữ:).

Số tiền = Diện tích (ha) x giá đất (đồng) x tỷ lệ nộp (%) theo quyết định số...,
 ngày...tháng... năm ...của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, ... *(tên cơ*
quan/người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) có trách nhiệm nộp số tiền nêu trên
 tại Kho bạc Nhà nước theo Tài khoản: ...; Chương: ... *(là chương của đơn vị nộp tiền*
nếu có); tiểu mục:

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh/huyện;
- Cục thuế tỉnh/huyện;
- Lưu: VT.

CƠ QUAN TÀI CHÍNH
TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/tên thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	Cơ quan giải quyết	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1		Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	MC	20 ngày		UBND cấp huyện: 20 ngày		không		x	
2		Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	MC	12 ngày		Cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện: 7 ngày	cơ quan tài chính cấp huyện: 5 ngày	không		x	

Ghi chú: - Thời hạn giải quyết được tính bằng ngày thường;
- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận một cửa cấp huyện

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Công bố theo Quyết định số 3085/QĐ-BNN-CN ngày 13/9/2024 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Gửi hồ sơ

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có nhu cầu xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố.

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, kiểm tra và trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ.

c) Bước 3: Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt.

d) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc văn bản không chấp thuận theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt sau khi bóc tách.

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Ban hành văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất).

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Văn bản không chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN
SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ
NƯỚC GIAO ĐẤT CHO
THUÊ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt

Kính gửi:

1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu có) số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện (*thị xã/thành phố*) thẩm định hồ sơ Phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa để xây dựng công trình ...

(Phương án sử dụng tầng đất mặt và Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt được bóc tách gửi kèm theo)

3. Nhận kết quả qua hình thức: Trực tiếp Bưu chính Điện tử

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất... (*ghi rõ tên*) cam kết thực hiện đúng Phương án sử dụng tầng đất mặt và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC
GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục VIII
MẪU PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT

Số: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT

1. Tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: ...

Địa chỉ: ...

Số điện thoại: ...

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu có) số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...

2. Mục đích của việc chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa:

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa để thực hiện công trình/dự án

...

3. Diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi: ... ha.

4. Khối lượng đất mặt phải bóc tách: ... m³

{Diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách (m²) x độ sâu tầng đất mặt phải bóc tách (m)}

5. Phương án sử dụng đất mặt:

a) Sử dụng trong khuôn viên dự án: m³ (ghi rõ vị trí, địa điểm, diện tích sử dụng đất mặt).

b) Sử dụng ngoài khuôn viên dự án:m³ (ghi rõ vị trí, địa điểm, diện tích sử dụng đất mặt).

6. Mục đích sử dụng tầng đất mặt: ...

(Tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa chỉ được sử dụng vào mục đích nông nghiệp, gồm: *tôn cao nền ruộng trồng thấp; tăng độ dày tầng canh tác; nâng cao chất lượng đất trồng lúa, cây hàng năm, cây lâu năm; trồng cây xanh; trồng hoa cây cảnh, cây dược liệu...*)

Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất... (ghi rõ tên) cam kết thực hiện đúng phương án sử dụng tầng đất mặt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục IX
MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v...

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của tổ chức/cá nhân ...;

Căn cứ vào kết quả thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của công trình/dự án...;

Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt của ... (ghi rõ tên). Trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa phải bóc tách tầng đất mặt: ...ha.

2. Đề nghị ... (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) thực hiện đúng nội dung phương án sử dụng tầng đất mặt và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố.

3. Các đơn vị ... (ghi rõ tên đơn vị) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... theo dõi, kiểm tra, giám sát tổ chức/cá nhân thực hiện đúng nội dung Phương án sử dụng tầng đất mặt đã được chấp thuận.

Yêu cầu (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) ... thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản quy định khác có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ ...**

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục X
MẪU VĂN BẢN KHÔNG CHẤP THUẬN
PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TẦNG ĐẤT MẶT
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ hồ sơ đề nghị thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của tổ chức/cá nhân ...;

Căn cứ kết quả thẩm định Phương án sử dụng tầng đất mặt của công trình/dự án...;

Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện/thị xã/thành phố ... có ý kiến như sau:

Không chấp thuận Phương án sử dụng tầng đất mặt từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để xây dựng công trình của *(ghi rõ tên)*

Địa chỉ

Lý do không chấp thuận:

.....

.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ...

(Ký, họ tên và đóng dấu)

2. Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Gửi hồ sơ

Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp gửi hồ sơ đến cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa.

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện xem xét, kiểm tra và trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ;

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ và xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện thẩm định và ban hành văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp.

d) Bước 4: Cơ quan tài chính xác định số tiền phải nộp

Trong thời hạn 05 ngày, cơ quan tài chính cấp huyện căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa của cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp, bảng giá loại đất trồng lúa tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, cơ quan tài chính cấp huyện xác định số tiền phải nộp theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cơ quan tài nguyên và môi trường và người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

đ) Bước 5: Người được giao đất, cho thuê đất thực hiện nộp tiền

Trong thời hạn 30 ngày, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của cơ quan tài chính.

Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan tài chính; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa thì phải nộp thêm tiền chậm nộp. Mức tính tiền chậm nộp và thời

gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau:

- Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa chậm nộp;

- Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước;

- Người nộp tiền tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Người nộp tiền phải nộp tiền chậm nộp được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng như bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyên mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ.

- Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất).

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Cơ quan phối hợp thực hiện: Cơ quan tài chính cấp huyện.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

- Văn bản xác định số tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyên mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục XI
MẪU BẢN KÊ KHAI DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng...năm...

BẢN KÊ KHAI
Diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng
sang đất phi nông nghiệp

Kính gửi:

1. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất kê khai: ...
2. Địa chỉ:
3. Tổng diện tích đất chuyên trồng lúa đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp: ... ha
4. Địa điểm thu hồi đất:

Vị trí/Địa điểm đất	Diện tích (ha, m ²)	Ghi chú
Vị trí 1: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
Vị trí 2: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố)		
Vị trí 3: số thửa ...; số tờ bản đồ ...; xã (phường, thị trấn) ...; huyện (thị xã, thành phố) ...		
.....		
.....		
Tổng diện tích		

Đề nghị ... (cơ quan tài nguyên môi trường cấp tỉnh/huyện) xác định diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang mục đích phi nông nghiệp để... (ghi rõ tên người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) làm căn cứ thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

NGƯỜI ĐƯỢC NHÀ NƯỚC
GIAO ĐẤT CHO THUÊ ĐẤT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục XII
MẪU VĂN BẢN XÁC NHẬN DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA
PHẢI NỘP TIỀN

*(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)*

**CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/THỊ**

XÃ
Số: ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ...tháng ... năm ...

Kính gửi: Cơ quan tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất;

Căn cứ vào Bản kê khai đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp của ... (ghi rõ tên cơ quan, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất)

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh/huyện) ... xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa chuyên mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình/dự án ... (ghi rõ tên công trình) là...ha, thuộc địa điểm ... (ghi rõ địa điểm diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển đổi).

Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh/huyện) gửi cơ quan Tài chính (cấp tỉnh/huyện) làm căn cứ xác định số tiền phải nộp của cơ quan, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT.

CƠ QUAN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH/TP/QUẬN/ HUYỆN/THỊ XÃ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục XIII
MẪU VĂN BẢN XÁC ĐỊNH SỐ TIỀN ĐỀ NHÀ NƯỚC BỔ SUNG
DIỆN TÍCH ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA BỊ MẤT HOẶC
TĂNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

CƠ QUAN TÀI CHÍNH
TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/TX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

V/v thông báo số tiền phải nộp
 để nhà nước bổ sung diện tích
 đất chuyên trồng lúa bị mất
 hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất
 trồng lúa

..., ngày..... tháng ... năm

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Căn cứ văn bản số ... (cơ quan Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh/ huyện);

Cơ quan Tài chính cấp tỉnh/huyện thông báo số tiền phải nộp, như sau:

1. Tên cơ quan/người được nhà nước giao đất, cho thuê đất phải nộp tiền: ...
2. Số tiền phải nộp: ... đồng

(Bằng chữ:).

Số tiền = Diện tích (ha) x giá đất (đồng) x tỷ lệ nộp (%) theo quyết định số..., ngày...tháng... năm ...của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, ... (tên cơ quan/người được nhà nước giao đất, cho thuê đất) có trách nhiệm nộp số tiền nêu trên tại Kho bạc Nhà nước theo Tài khoản: ...; Chương: ... (là chương của đơn vị nộp tiền nếu có); tiểu mục:

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh/huyện;
- Cục thuế tỉnh/huyện;
- Lưu: VT.

CƠ QUAN TÀI CHÍNH
TỈNH/TP/QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Phụ lục III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Mã TTHC	Lĩnh vực/tên thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết		Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm)		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Ghi chú
				Theo quy định	Sau cắt giảm	UBND cấp xã	Cơ quan phối hợp giải quyết		Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lĩnh vực Trồng trọt											
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa ¹	MC	05 ngày		05 ngày		Không		x	

Ghi chú: - Thời hạn giải quyết được tính bằng ngày làm việc
- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận một cửa cấp xã

¹ Tên cũ của TTHC này là “Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa”.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Công bố theo Quyết định số 3085/QĐ-BNN-CN ngày 13/9/2024 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Bước 1: Gửi hồ sơ

Người sử dụng đất trồng lúa có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Bộ phận một cửa của UBND cấp xã, phường, thị trấn.

b) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

- Trường hợp nộp trực tiếp: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, kiểm tra và trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, kiểm tra và trả lời tính hợp lệ của hồ sơ;

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét sự phù hợp của Bản Đăng ký với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của cấp xã:

- Trường hợp Bản Đăng ký phù hợp với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản chấp thuận cho phép chuyển đổi theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người sử dụng đất trồng lúa đăng ký;

- Trường hợp Bản Đăng ký không phù hợp với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản theo mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người sử dụng đất trồng lúa.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

Bản Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Ban hành văn bản chấp thuận cho phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Người sử dụng đất trồng lúa).

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;

- Văn bản không chấp thuận bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 8 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục IV
MẪU BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG,
VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

BẢN ĐĂNG KÝ
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn): ...

1. Tên người sử dụng đất trồng lúa: ...
2. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/TCC: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (nếu có) số: ... ngày cấp: ..., nơi cấp: ...
3. Địa chỉ: Số điện thoại: ...
4. Diện tích chuyển đổi/tổng diện tích đất trồng lúa: (m²/ha)/...(m²/ha), thuộc thửa đất số: ..., tờ bản đồ số: ...
5. Mục đích chuyển đổi.
 - a) Sang trồng cây lâu năm:
 - Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Tên loại cây trồng..., tổng số năm: ...
 - Chuyển đổi từ đất lúa nương: Tên loại cây trồng..., tổng số năm: ...
 - b) Sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản:
 - Chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa: Loại thủy sản ..., tổng số năm: ...
 - Chuyển đổi từ đất trồng lúa còn lại:
 - + Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Loại thủy sản ..., tổng số năm: ...
 - + Chuyển đổi từ đất lúa nương: Loại thủy sản ..., tổng số năm: ...
6. Nhận kết quả qua hình thức: Trực tiếp Bưu chính Điện tử
7. (tên người sử dụng đất trồng lúa) cam kết thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục V
MẪU VĂN BẢN CHẤP THUẬN CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...
V/v...
..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) năm ...;

Căn cứ vào Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ... có ý kiến như sau:

Chấp thuận cho... (ghi rõ tên người sử dụng đất trồng lúa);

Địa chỉ: ...

Được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa, cụ thể:

- 1. Diện tích chuyển đổi: ... ha, thửa thửa đất số: ..., tờ bản đồ số: ...
- 2. Mục đích chuyển đổi:
- 3. Tổng số năm chuyển đổi:

Yêu cầu (ghi rõ tên người sử dụng đất trồng lúa) ... thực hiện đúng các nội dung tại văn bản này; quá trình thực hiện phải tuân thủ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VI
MẪU VĂN BẢN KHÔNG CHẤP THUẬN BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI
CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024
của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
 V/v...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa và các quy định khác của pháp luật liên quan;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) năm ...;

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ...có ý kiến như sau:

Không chấp thuận Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của ... (ghi rõ tên của người sử dụng đất trồng lúa);

Địa chỉ: ...

Lý do không chấp thuận:

Yêu cầu ... (ghi rõ tên người sử dụng đất trồng lúa) thực hiện đúng theo văn bản này và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG
/THỊ TRẤN
(Ký, họ tên và đóng dấu)